

Số: 1385a/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định tại Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 06 năm 2024 thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Quyết định này sửa đổi, bổ sung, thay thế các thủ tục hành chính có mã: 2.000797 được công bố tại Quyết định số 234a/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 02 năm 2019; thủ tục hành chính có mã 1.003292; 1.003288; 1.003266; 1.001668; 1.001650 được công bố tại Quyết định số 175/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 02 năm

2023; thủ tục hành chính có mã 1.003207; 1.003272; 1.003250; 1.001869; 1.003261 được công bố tại Quyết định số 248/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 02 năm 2018; thủ tục hành chính có mã 1.003241; 1.001898; 1.003072 được công bố tại Quyết định số 218/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 02 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thông đốc (để báo cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Cục KSTTHC - VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP4.NTLINH, TTGSNH6

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1385/QĐ-NHNN ngày 01 tháng 7 năm 2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam					
1.	2.000797	Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2.	1.003292	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
3.	1.003266	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
4.	1.003250	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

5.	1.003072	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
6.	1.001898	Thủ tục chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
7.	1.003261	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố

1	1.001869	Thủ tục chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên (trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
2.	1.001668	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
3.	1.001650	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

2. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	TTHC thay thế		TTHC được thay thế		Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã TTHC	Tên TTHC			
1	1.003241	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần	1.003241	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật.	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2	1.003207	Thủ tục sửa đổi bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần	1.003207	Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật.	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

3	1.003288	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính.	1.003288	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính	Thông tư 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
4	1.003272	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính	1.003272	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính	Thông tư số 30/2024/TT-NHNN		
5		Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng					

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.001719	Thủ tục thông báo khai trương hoạt động chi nhánh tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư số 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố
2	1.001708	Thủ tục thông báo khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư số 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố
3	1.002797	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông thường của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	Thông tư số 30/2024/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 53/2018/TT-NHNN để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận;

Bước 4: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng thành lập chi nhánh, trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.

+ Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có); địa chỉ; nội dung hoạt động;

- b) Lý do, nhu cầu thành lập;
 - c) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận chuyên môn, người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp);
 - d) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.
 - **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
 - **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nhu cầu thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
 - **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).
 - **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân tổ chức tín dụng phi ngân hàng.
 - **Lệ phí:** Không.
 - **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.
 - **Yêu cầu, điều kiện:**
 1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 03 chi nhánh trong 01 năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.
 - b) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;
 - c) Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - d) Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro;
 - e) Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN;
 - g) Có Đề án thành lập đơn vị mạng lưới.
 2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 02 chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

c) Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc);

d) Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro;

e) Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ;

g) Có Đề án thành lập đơn vị mạng lưới.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

PHỤ LỤC

**TÊN TỔ CHỨC TÍN
DỤNG PHI NGÂN
HÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/VĂN
PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị

Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1. Tên:

a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).

b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở.

II. Đánh giá việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị:

1.2. Lợi nhuận sau thuế của năm trước liền kề năm đề nghị:

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.

- Theo báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.4. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

1.5. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và thời điểm đề nghị (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước năm đề nghị và thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị (nếu có)):

1.6. Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc):

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia HĐQT, HĐTV
1.					
2.					

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
3.		
4.		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.7. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

1.8. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

1.9. Có Đề án thành lập mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị:

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.3. Các nội dung tại điểm 1.3, 1.4, 1.6 đến điểm 1.9 khoản 1 Mục II Phụ lục này.

III. Đánh giá việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng từng điều kiện để được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

Các nội dung tại điểm 1.1, 1.3, 1.6 đến điểm 1.9 khoản 1 Mục II Phụ lục này.

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị:

1.2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

1.3. Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc):

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia HĐQT, HĐTV
1.					
2.					

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
5.		
6.		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):.

1.4. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

1.5. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

1.6. Có Đề án thành lập mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

2. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

2.2. Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc):

a. Đảm bảo ☐b. Không đảm bảo ☐

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia HĐQT, HĐTV
1.					

2.					
----	--	--	--	--	--

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
7.		
8.		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

2.3. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.4. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.5. Có Đề án thành lập mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo ☐

b. Không đảm bảo ☐

2.6. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị:

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI
NGÂN HÀNG**
(Ký tên và đóng dấu)

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập và gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bước 2: Ngân hàng Nhà nước thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi tên do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: Tên hiện tại; tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về đặt tên; lý do thay đổi;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi tên.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước văn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép.

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Giấy phép.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước;

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

d) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung các hồ sơ sau đây:

(i) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên góp vốn để cấp, góp thêm;

(ii) Báo cáo tài chính của chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi

tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, d(i) nêu trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan;

e) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c nêu trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

5. Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước;

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

+ Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

+ Văn bản thỏa thuận, cam kết mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa bên bán, bên chuyển nhượng với bên mua, bên nhận chuyển nhượng;

+ Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng để mua, nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng năm liền kề trước năm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng thông qua nội dung phương án mua

bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

+ Phương án mua bán chuyển nhượng phần vốn góp, trong đó bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ và trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

(ii) Thông tin của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Lý do mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(iv) Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động, việc đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ và tại thời điểm đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(v) Quyền lợi, nghĩa vụ của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có);

(vi) Giá chuyển nhượng, thời hạn, phương thức thanh toán; thời hạn bàn giao tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho chủ sở hữu mới;

(vii) Trách nhiệm của bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, bên nhận chuyển nhượng đối với chi phí phát sinh trong quá trình chuyển nhượng;

(viii) Các phương án xử lý trong trường hợp bên tham gia mua bán, chuyển nhượng đơn phương hủy bỏ thỏa thuận mua bán, chuyển nhượng;

(ix) Dự kiến về sơ đồ tổ chức, nhân sự, mạng lưới hoạt động và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;

(x) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua bán, chuyển nhượng, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ); các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm;

(xi) Biện pháp chuyển đổi, kết hợp hệ thống thông tin quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi mua bán, chuyển nhượng;

+ Hồ sơ của chủ sở hữu mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ

đối với chủ sở hữu thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.
- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp.
- **Lệ phí:** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
 - + Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
 - + Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

6. Thủ tục chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

Bước 2: Ngân hàng Nhà nước thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, nhận chuyển nhượng cổ phần:

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

- Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(ii) Số cổ phần mua, nhận chuyển nhượng, tổng giá trị cổ phần mua, nhận chuyển nhượng theo mệnh giá;

(iii) Số cổ phần sở hữu, tổng giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua, nhận chuyển nhượng;

(iv) Ngày giao dịch dự kiến;

(v) Nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm cả nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không được mua cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng cổ phần do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

+ Văn bản thỏa thuận, cam kết mua, nhận chuyển nhượng cổ phần giữa bên bán với bên mua, bên chuyển nhượng với bên nhận chuyển nhượng;

+ Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi);

+ Báo cáo về dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của bên mua, nhận chuyển nhượng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng;

+ Bảng kê khai người có liên quan của bên mua, nhận chuyển nhượng theo mẫu quy định tại Phụ lục;

+ Bảng kê khai số thuế đã nộp của bên mua, nhận chuyển nhượng trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của bên mua, nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức Việt Nam);

+ Báo cáo tài chính của bên mua, nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bảng kê khai người có liên quan.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép trong trường hợp chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước;

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

* Đối với trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động

+ Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: Thời hạn hoạt động hiện tại; thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi, đảm bảo phù hợp với thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật; lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

+ Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:

(i) Mục tiêu, chiến lược hoạt động từ khi thành lập đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị; đánh giá hiệu quả việc thực hiện chiến lược này đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng và nền kinh tế Việt Nam nói chung;

(ii) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh); tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;

(iii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động;

* Đối với trường hợp thay đổi thời hạn hoạt động ngoài trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thành phần hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: Thời hạn hoạt động hiện tại; thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi, đảm bảo phù hợp với thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật; lý do thay đổi thời hạn hoạt động;

+ Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó nêu rõ:

(i) Mục tiêu, chiến lược hoạt động từ khi thành lập đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị; đánh giá hiệu quả việc thực hiện chiến lược này đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng và nền kinh tế Việt Nam nói chung;

(ii) Đánh giá kết quả hoạt động trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính (cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh); tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;

(iii) Dự kiến mục tiêu, chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh 03 năm tiếp theo;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi thời hạn hoạt động;

+ Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc thay đổi thời hạn hoạt động.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

8. Thủ tục chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị gửi Ngân hàng Nhà nước.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ tự động hết hiệu lực.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của TCTD phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký.

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

c) Phương án tăng vốn điều lệ, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

(i) Lý do và sự cần thiết tăng vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

(iii) Các đợt dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm, nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ; các thông tin về các đợt dự kiến phát hành trong năm; phương án phát hành cho từng đợt. Trường hợp tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, phương án tăng vốn điều lệ phải

bao gồm các nội dung sau đây:

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

- Tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu, tổng giá trị trái phiếu đề nghị được chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi.

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

(v) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh trong năm liền kề sau khi tăng vốn điều lệ; dự kiến kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm trong hoạt động kinh doanh;

(vi) Khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát rủi ro đối với quy mô mức vốn điều lệ mới.

d) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

đ) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với số cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi).

e) Báo cáo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân, tổ chức nước ngoài) hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

g) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, gồm:

(i) Báo cáo cơ cấu cổ đông sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ;

(ii) Văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu.

* Hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng mức vốn điều lệ của TCTD phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với việc tăng vốn điều lệ do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó phải có nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung), bao gồm cả nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không được mua cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua phương án tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Phương án tăng vốn điều lệ;

d) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

đ) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá

trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với số cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi).

e) Báo cáo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân, tổ chức nước ngoài) hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

g) Bảng kê khai người có liên quan của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục đính kèm;

h) Bảng kê khai số thuế đã nộp của cá nhân, tổ chức dự kiến là cổ đông lớn trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

i) Báo cáo dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của tổ chức, cá nhân dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) dự kiến tham gia mua, nhận chuyển nhượng cổ phần để tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng;

k) Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn (trừ trường hợp bên mua, chuyển nhượng là tổ chức Việt Nam).

l) Báo cáo tài chính của tổ chức dự kiến là cổ đông lớn năm liền kề trước năm đề nghị tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

m) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, gồm:

(i) Báo cáo cơ cấu cổ đông sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ;

(ii) Văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán chứng khoán;

(iii) Báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán;

(iv) Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán chứng khoán.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận tăng vốn điều lệ.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bảng kê khai người có liên quan

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ với người kê khai	Tham gia góp vốn	
			Tên tổ chức tín dụng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai		
2.	Nguyễn Thị B	Vợ		
3.	Công ty X			
...				
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (6)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).

- Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; nơi ở hiện tại.

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (2): Liệt kê người khai và tất cả người có liên quan của người khai là cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, “Người có liên quan” tham chiếu theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.3. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.4. Đối với phần kê khai tại (6): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu./.

9. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc tăng vốn điều lệ, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước hồ sơ chứng minh đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ;

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

+ Báo cáo cơ cấu cổ đông sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (bao gồm danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn);

+ Trường hợp tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp kèm văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu;

+ Trường hợp tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp kèm văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán chứng khoán; báo cáo kết quả đợt chào bán chứng khoán; văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được trong đợt chào bán chứng khoán.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bảng kê khai người có liên quan

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

10. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ theo quy định và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

Bước 2: Ngân hàng Nhà nước thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại; địa điểm dự kiến chuyển đến đảm bảo đáp ứng điều kiện của trụ sở chính theo quy định của pháp luật; lý do thay đổi; kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới; kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

11. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

Bước 2: Ngân hàng Nhà nước thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại; địa điểm dự kiến chuyển đến đảm bảo đáp ứng điều kiện của trụ sở chính theo quy định của pháp luật; lý do thay đổi; kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới; kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.
- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
 - + Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
 - + Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

12. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuẩn bị hồ sơ theo quy định và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Giấy phép. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- + Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- + Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Thủ tục chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên (trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng giao dịch, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính;

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng giao dịch do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng giao dịch; lý do của việc tạm ngừng giao dịch; các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng giao dịch đến quyền và lợi ích của khách hàng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc tạm ngừng giao dịch.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh thành phố.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận tạm ngừng giao dịch.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;

+ Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh;

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại; địa điểm dự kiến chuyển đến đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định; kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

+ Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;
- + Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- + Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định đề nghị chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;

Bước 2: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh. Trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa); Hoặc

+ Dịch vụ bưu chính.

+ Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể;

+ Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện: Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

+ Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng./.
